

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
NGUYỄN ẨM THỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp): PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 12
(Tên cơ sở giáo dục): TRƯỜNG THCS NGUYỄN ẨM THỦ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
Năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1073	353	253	287	180
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	981 (91.43%)	321 (90.93%)	231 (91.30%)	249 (86.76 %)	180 (100%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	87 (8.11%)	27 (7.65%)	22 (8.70%)	38 (13.13%)	0
3	Trung bình - Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	5 (0.46%)	5 (1.42%)	0	0	0
4	Yếu – Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1073	353	253	287	180
1	Giỏi – Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	350 (32.62%)	124 (35.13%)	89 (35.18%)	101 (35.19%)	36 (20.0%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	390 (36.35%)	140 (39.66%)	90 (35.57%)	106 (36.93%)	54 (30.0%)
3	Trung bình – Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	290 (27.03%)	73 (20.68%)	63 (24.90%)	64 (22.30%)	90 (50.0%)
4	Yếu - Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	40 (3.73%)	16 (04.53%)	11 (4.35%)	13 (5.58%)	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	3 (0.27%)	0	0	3	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1073	353	252	280	180
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1059 (99.42%)	347 (99.1%)	225 (99.12%)	459 (99.35%)	375 (100%)
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	66 (6.08%)	34 (17.07%)	32 (12.33%)		
b	Học sinh giỏi/tốt (tỷ lệ so với tổng số)	751 (53.71%)	89 (44.61%)	57 (38.77%)	101 (54.76%)	36 (69.6%)
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	272 (19.45%)			106 (38.31%)	54 (25.33%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	41 (3.82%)	17 (4.8%)	11 (4.3%)	13 (4.53%)	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	14 (0.28%)	6 (0.59%)	1 (0.44%)	7 (0.22%)	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	16/44 0.07/4.01	1/6 0.29/2.99	7/17 0/4.84	5/16 0/6.06	3/5 0/1.86
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	17	2	4	8	3
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	01				
2	Cấp tỉnh/thành phố	00				
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	00				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	180				
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	180				
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	36 (20.0%)				36 (20.0%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	54 (30.0%)				54 (30.0%)
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	90 (50.0%)				90 (50.0%)
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	601/472	202/151	133/120	165/122	101/79
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	26	6	4	13	3

Quận 12, ngày 29 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Tuyết Nhung